

Bản án số: 96/2020/DS-PT.

Ngày 07/9/2020.

“V/v Tranh chấp chia di sản thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các thẩm phán: - Ông Đặng Văn Quyết.

- Bà Phạm Thị Minh Hiền.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hải Yến- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B:** Ông Lương Thất Tùng- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12/6, 13/7, 07/8 và ngày 07/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2020/TLPT- DS ngày 18/3/2020 về việc "Tranh chấp chia di sản thừa kế".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 78/2019/DS-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2020/QĐ-PT ngày 24/4/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2020/QĐ-PT ngày 12/5/2020, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 15/2020/QĐ-PT ngày 12/6/2010, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 24/2020/QĐ-PT ngày 13/7/2020, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 18/2020/QĐ-PT ngày 07/8/2020, giữa các đương sự:

*** Đồng nguyên đơn:**

1. Bà Vũ Thị B, sinh năm 1952. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Mai Đình, phường Đa M, thành phố B, tỉnh B.

2. Bà Vũ Thị O, sinh năm 1957. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Tân Thành, phường Đa M, thành phố B, tỉnh B.

3. Ông Vũ Văn M, sinh năm 1959. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Mai Sầu, phường Đa M, thành phố B tỉnh B.

4. Bà Vũ Thị T, sinh năm 1966. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Mai Sầu, phường Đa M, thành phố B, tỉnh B.

5. Ông Vũ Duy T1, sinh năm 1948. (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 236 đường Hoàng Hoa Thám, tổ dân phố Tân Mai, phường Đa M, thành phố B, tỉnh B.

Đại diện theo ủy quyền của bà B, bà O, bà T, ông M là ông Vũ Duy T1. (Có mặt)

*** Bị đơn:** Ông Vũ Văn T2, sinh năm 1947. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Mai Sầu, phường Đa M, thành phố B, tỉnh B.

Đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Văn T2 là anh Vũ Ngọc Q, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số 118, đường Hoàng Hoa Thám, tổ dân phố Tân Thành, phường Đa M, thành phố B, tỉnh B. (Có mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Vũ Thị Nh, sinh năm 1943. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Mai Sầu, phường Đa M, thành phố B, tỉnh B.

2. Ông Vũ Văn Đ, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Số nhà 98, ngõ Xã Đàn 2, phường Nam Đ, quận Đ, thành phố H. (Vắng mặt).

3. Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1960.

4. Anh Vũ Văn T53, sinh năm 1984 và chị Dương Thị Ng, sinh năm 1982.

Đại diện theo ủy quyền của chị Ng và anh T3 là bà Hoàng Thị H. (Có mặt)

Bà H, anh T3, chị Ng cùng địa chỉ: Tổ dân phố Mai Sầu, phường Đa M, thành phố B. (bà H có mặt, anh T3 và chị Ng vắng mặt)

5. Bà Đoàn Thị Q1, sinh năm 1947. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Mai Sầu, phường Đa M, thành phố B.

6. Anh Vũ Ngọc Q, sinh năm 1972. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Tân Thành, phường Đa M, thành phố B.

7. Ông Vũ Văn T4, sinh năm 1924. Là người cao tuổi, đại diện cho dòng họ Vũ. Đại diện theo ủy quyền của ông T4 là ông Vũ Văn H1, sinh năm 1953.

Cùng địa chỉ: Số 18, đường Bảo Ngọc, tổ dân phố Mai Sầu, phường Đa M, thành phố B. (ông T4 vắng mặt, ông H1 có mặt).

8. UBND phường Đa M, thành phố B do ông Nguyễn Văn Tr cán bộ tư pháp hộ tịch phường Đa M đại diện theo ủy quyền. (vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt).

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Vũ Duy T1:* Luật sư Nguyễn Đức Tuấn- Luật sư cộng tác viên của trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B. (Có mặt tại phiên tòa ngày 07/9/2020).

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Vũ Văn T2:*

1. Bà Võ Thị An Bình - Luật sư cộng tác viên của trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B. (Có mặt ngày 07/8/2020 vắng mặt tại phiên tòa ngày 07/9/2020)

2. Ông Trần Văn An và ông Trần Văn Huy - Luật sư văn phòng luật sư Dân An- Đoàn luật sư tỉnh B. (Ông An, ông Huy có mặt tại phiên tòa ngày 12/7, ngày 07/8, ông An vắng mặt tại phiên tòa ngày 07/9).

** Người kháng cáo:* Ông Vũ Văn T2 là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/02/2017 và trong quá trình xét xử, đại diện theo ủy quyền của các đồng nguyên đơn ông Vũ Duy T1 trình bày:

Bố ông là cụ Vũ Văn T5, sinh năm 1920, chết năm 1999, mẹ ông là cụ Nguyễn Thị T6, sinh năm 1918, chết năm 1999.

Sinh thời, bố mẹ ông sinh được 8 người con hiện đang còn sống đó là: Bà Vũ Thị Nh, sinh năm 1944; Ông Vũ Văn T2, sinh năm 1946; ông Vũ Duy T1, sinh năm 1948; Bà Vũ Thị B, sinh năm 1952; Ông Vũ Văn Đ, sinh năm 1955; Bà Vũ Thị O, sinh năm 1957; Ông Vũ Văn M, sinh năm 1959; Bà Vũ Thị T, sinh năm 1966.

Ngoài ra, bố mẹ ông không có bố mẹ nuôi, con nuôi hoặc con ngoài giá thú nào khác. Bố mẹ ông khi chết đi không để lại di chúc nhưng có để lại khối tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 1006,6 m² (đo đạc thực tế là 1064,4 m²) thuộc thửa đất số 151, tờ bản đồ số 23 (bản đồ địa chính đo đạc năm 1998), thuộc địa chỉ: Tổ dân phố Mai Sầu, phường Đa M, thành phố B cùng tài sản trên đất là ngôi nhà gỗ 4 gian lợp ngói, cấp 4 xây dựng năm 1958, cải tạo năm 1995 diện tích 65,5 m²; 3 gian nhà ngang, nhà cấp 4 xây dựng năm 1980, ông M tu bổ năm 2009, diện tích 47,9 m²; 2 gian nhà bếp, nhà cấp 4 xây dựng năm 1980, diện tích 16,3 m²; Bán mái ngói xà gồ gỗ, xây năm 1980, diện tích 16,7m². Sân lát gạch lá nem, xây năm 1995, ông M tu bổ lát gạch lá nem năm 2002, diện tích 130,6m².

Ngoài ra, ông T2 xây dựng trên đất bố mẹ để lại gồm:

- Nhà lợp tôn, trần gỗ, áp nhà cấp 4, loại 2, xây năm 2013, diện tích 69,8m².
- Nhà bếp lợp Fibro xi măng, áp nhà cấp 4, loại 2, diện tích 27,5m².
- Bán mái tôn, xây năm 2018, diện tích 120m².
- Tường rào xây cay bê tông 130mm, bỏ trụ, xây năm 2019, diện tích 24,1m².
- Tường rào xây cay bê tông 130mm, bỏ trụ, xây năm 2013, diện tích 9,1m².
- Tường rào xây gạch 110mm, bỏ trụ + sắt hình, xây năm 2018, trong đó: Diện tích xây gạch 4,9m². Diện tích hàng rào sắt hình 14,1m².
- Giàn cây leo (áp hàng rào sắt hình), xây năm 2018, diện tích 31,3m².
- Lối đi lát gạch lá nem, xây năm 2010, diện tích 39,7m².
- Tường rào xây cay bê tông 130mm, bỏ trụ, xây năm 2010, diện tích 52,4m².
- Tường hoa, áp tường rào gạch 110mm, bỏ trụ, xây năm 2010, diện tích 4,5m².
- Cổng sắt bít tôn phía trên có biển Vũ Tộc Từ Đường, xây năm 2010, diện tích 4,1m².
- Cổng sắt bít tôn, xây năm 2018, diện tích 5,9m².
- Cổng sắt bít tôn, xây năm 2018, diện tích 4,1m².
- Cổng sắt bít tôn phía, xây năm 2018, diện tích 52,7m².
- Tường kê ao, áp tường rào xây cay bê tông 130mm, bỏ trụ, xây năm 2013, diện tích 28,9m². Tường kê ao, áp tường rào xây cay bê tông 130mm, bỏ trụ, xây năm 1995, diện tích 26,1m².
- Tường rào xây cay bê tông 130mm, bỏ trụ, xây năm 2010, diện tích 38,1m².

- 02 cây sấu đường kính gốc 15-19cm, 02 cây nhãn đường kính tán 3 - 4m, 02 cây xoài đường kính gốc 12-15cm, 01 cây xoài nhỏ mới trồng, 05 cây mít nhỏ mới trồng, các cây cam, quýt, chanh mỗi loại 01 cây, 03 cây đào đường kính gốc 7-9cm, 01 cây nho đường kính gốc 7-9cm.

Sau khi bố mẹ ông chết, vợ chồng ông M là người quản lý di sản. Vào năm 2012, ông Vũ Văn T2 là anh cả vào tự ý ngăn đất và xây dựng các công trình trên đất. Năm 2014 ông T2 lấy lý do ngôi nhà gỗ 4 gian lợp ngói cấp 4 bố mẹ đã hiến cho dòng họ Vũ nên đã vứt hết quần áo chăn màn và hòm đựng thóc của gia đình ông M ra ngoài sân; tự ý khóa cửa ngôi nhà gỗ 4 gian lợp ngói cấp 4 và khóa cửa cổng, treo biển Vũ tộc từ đường và dựng 1 bia đá trước cửa ngôi nhà gỗ 4 gian lợp ngói cấp 4 và 1 bia trong ngôi nhà gỗ 4 gian lợp ngói cấp 4, treo hoành phi vào hai cột giữa nhà trong khi Tòa án đang thụ lý giải quyết tranh chấp.

Nay ông và bà B, ông M, bà O và bà T yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ ông để lại theo pháp luật. Cụ thể: Chia làm 8 giá trị kỷ phần ngang nhau cho 8 anh chị em ruột là con của cụ T5, cụ T6.

Nay vì lý do làm nơi thờ cúng cha mẹ và làm chỗ đi lại của các anh chị em ruột, đồng nguyên đơn đề nghị trừ ra một lối đi chung rộng 2 m từ cổng trở vào hết đất, phần còn lại chia nhà đất thành 3 phần, phần đất có ngôi nhà gỗ 4 gian và nhà ngang nơi gia đình ông M đang ở chia cho 4 người (chiếm 4/8 giá trị đất của thửa số 151, tờ bản đồ số 23) gồm ông T1, bà O, ông M, bà T. Phần đất là khu vườn có diện tích 127,6 m² chia cho bà B. Phần nhà đất còn lại có ngôi nhà gia đình ông T2 đang ở chia cho 3 người (chiếm 3/8 giá trị đất của thửa số 151 tờ bản đồ số 23) gồm bà Nh, ông T2, ông Đ.

Từ khi cụ T5, cụ T6 mất đi, ông M đã có phần công sức quản lý di sản và tu bổ di sản hết 130.000.000 đồng. Nhưng nay ông M chỉ yêu cầu trích chia thêm phần công sức quản lý và tu bổ di sản từ năm 1999 đến nay tính tròn là 20 năm (mỗi năm khoảng 1.500.000đồng) là 30.000.000đồng.

Đối với chiếc biển Vũ tộc từ đường, 2 bia đá (một bia dựng trong ngôi nhà gỗ 4 gian và một bia dựng ở hiên ngôi nhà gỗ 4 gian và một đôi hoành phi câu đối dựng trong ngôi nhà gỗ 4 gian, cổng sắt ông T2 xây dựng và mái tôn rộng 2m, dài 9,7m trên lối đi chung, đề nghị Tòa án buộc ông T2 tháo dỡ, di dời.

Bà B, ông M, bà T có mặt tại phiên tòa nhất trí với trình bày của ông T1.

Bà O vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã ủy quyền cho ông T1 tham gia tố tụng.

Bị đơn ông Vũ Văn T2 do ông Vũ Ngọc Q là đại diện theo ủy quyền có mặt tại phiên tòa trình bày: Ông T2 đã thống nhất với lời khai của Nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, huyết thống, ngày bố, mẹ ông chết, nguồn gốc tài sản, về tài sản của bố mẹ ông để lại khi chết, về tài sản trên đất, về số lượng các người con của cụ T5 và cụ T6 thuộc hàng thừa kế thứ nhất, về việc diện tích 1006,6m² (đo đạc thực tế là 1064,4 m²) đất thuộc thửa đất số 151, tờ bản đồ số 23, thuộc địa chỉ: Tổ dân phố Mai Sầu, phường Đa M, thành phố B có nguồn gốc từ ông cha để lại, về việc cụ T5, cụ T6 chết đi nhưng không để lại di chúc là đúng.

Nay ông T1, bà B, bà O, ông M, bà T là em ruột ông Đ nghị chia thừa kế, di sản là diện tích 1006,6 m² (đo đạc thực tế là 1064,4 m²) đất ở và đất vườn thuộc thửa đất số 151, tờ bản đồ số 23, thuộc địa chỉ: Tổ dân phố Mai Sầu, phường Đa M, thành phố B (chia làm 8 phần) cho 8 anh chị em ruột. Ông không đồng ý chia di sản thừa kế với lý do:

Tài sản là 4 gian nhà cấp 4, phía trước có sân trên diện tích khoảng 175 m² (đo đạc thực tế là 187,5m²) được cụ T5 và cụ T6 để lại cho dòng họ Vũ để làm nhà thờ họ, được định đoạt bằng Giấy chuyển quyền quản lý và sử dụng nhà đất ngày 01/10/1997. Mặt khác, đất cụ T5, cụ T6 ở là đất của tổ tiên để lại, nếu chia thừa kế thì phải chia cho cụ T5 và các anh em ruột của cụ T5 gồm 8 người.

Đối với phần đất ông T2 đang ở có diện tích 386,3 m² tại thửa số 121 tờ bản đồ số 35, có nguồn gốc của cụ T5, cụ T6 để lại chưa được cấp Giấy CNQSDĐ nhưng đã được 8 anh chị em và cụ T5 định đoạt bằng bản di chúc thừa kế ngày 21/4/1994 cho ông Đ sử dụng. Đến năm 2012, ông Đ (là em trai ông T2) chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Q (con trai ông T2). Sau đó, 2012 anh Q đã cho ông T2 xây dựng nên ngôi nhà cấp 4 và các công trình phụ như hiện nay, ông T2 ở từ đó đến nay nên đồng nguyên đơn không có quyền khởi kiện chia thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị Nh, ông Vũ Văn Đ có mặt tại phiên tòa trình bày: Thống nhất với trình bày của nguyên đơn, bị đơn về quan hệ hôn nhân, huyết thống, ngày bố, mẹ chết, nguồn gốc tài sản, về số lượng các người con của cụ T5, cụ T6 thuộc hàng thừa kế thứ nhất, về việc cụ T5, cụ T6 chết đi nhưng không để lại di chúc là đúng. Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng ý với ý kiến của ông T2.

Theo bản tự khai ông Đ trình bày nếu theo quy định của pháp luật mà phải chia di sản thừa kế thì di sản thừa kế mà cụ T5, cụ T6 chết đi để lại còn có 01 con trâu, 01 con nghé, 4 con lợn thịt, 01 đàn lợn nái và một thửa đất 600m² đất ở tại địa chỉ: Số nhà 236 đường Hoàng Hoa Thám, tổ dân phố Tân Mai, phường Đa M, thành phố B hiện ông T1 và con trai ông T1 đang sử dụng, đề nghị Tòa án lấy ra chia thừa kế. Tại phiên tòa ông Đ không Đ nghị Tòa án đưa tài sản này làm tài sản chung của bố mẹ để lại.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị H (là đại diện theo ủy quyền của anh T3 và chị Ng) có mặt tại phiên tòa trình bày:

Bà đồng ý với lời trình bày của ông M chồng bà. Bà không đồng ý với phản đối của ông T2, ông Đ và bà Nh.

Năm 1983 bà kết hôn với ông M và về làm dâu ngay nhà ông M tại địa chỉ: Tổ dân phố Mai Sầu, phường Đa M, thành phố B. Khi bà về làm dâu nhà ông M thì khi đó có bố mẹ ông M ở và cô em gái ông M là bà T ở cùng.

Từ khi về làm dâu nhà ông M đến nay vợ chồng bà đã có công sức tu bổ tài sản do bố mẹ ông M để lại hết 130.000.000 đồng. Đây là số tiền của hai vợ chồng bà làm ra. Vợ chồng bà sinh được 3 người con. Con lớn Vũ Văn T53, sinh năm 1984, con thứ hai Vũ Thị Mai, sinh năm 1987; con thứ 3 Vũ Thị Huyền, sinh năm 1990. Nhưng các cháu không có đóng góp gì trong việc bỏ tiền ra tu bổ. Hiện con

lớn Vũ Văn T53 đã lấy vợ ngày 21/9/2009 và ở cùng vợ chồng bà nhưng hai vợ chồng anh T3 và chị Ng không có đóng góp gì. Còn chị Mai và chị Huyền đã lấy chồng và làm dâu nhà chồng nên cũng không có đóng góp gì.

Bà H có yêu cầu độc lập về việc yêu cầu chia thừa kế. Ngày 13/10/2019 bà H có đơn xin rút yêu cầu độc lập, Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của bà H tại Quyết định số 94A/2019/QĐST-DS ngày 13/10/2019.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Văn T4 do ông Vũ Văn H1 là đại diện theo ủy quyền có mặt tại phiên tòa trình bày: Khi còn sống, cụ T5, cụ T6 đã hiến tặng tài sản của mình là ngôi nhà gỗ lim 4 gian cho dòng họ Vũ để làm nơi thờ cúng tổ tiên, để cho con cháu tưởng nhớ về cội nguồn. Nay vì lợi ích nhỏ mà cháu ông là Vũ Văn M (đại diện là Vũ Duy T1) đòi chia tài sản của bố mẹ mình (tức của dòng họ) nên ông không thể chấp nhận được. Nhưng nếu chia thừa kế thì phải chia cho cụ T5 và các anh em ruột của cụ T5 gồm 8 người. Đề nghị Tòa án không chia tài sản của tổ tiên và dòng họ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UNND phường Đa M do ông Nguyễn Văn Tr, ông Nguyễn Thế Thưởng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xử vắng mặt) nhưng có lời khai trình bày: Thừa đất số 151 tờ bản đồ số 23 (đo đạc năm 1998) có diện tích 1006,6m², địa chỉ: Tổ dân phố Mai Sầu, phường Đa M, thành phố B có nguồn gốc của cụ Vũ Văn T5 và Nguyễn Thị T6 (2 cụ đều đã chết năm 1999). Diện tích này chưa được cấp giấy CNQSDĐ.

Trước năm 1998 khi chưa đo đạc bản đồ địa chính thì cụ T5, cụ T6 cùng con trai là Vũ Văn M sống trên thửa đất này. Tại tờ khai diện tích tính thuế đất nông nghiệp và đất ở nông thôn ngày 21/01/1994 đứng tên chủ hộ Nguyễn Văn Tuyết, có 300m² diện tích đất ở, 100m² đất vườn, 4008m² đất nông nghiệp. Năm 1998 sau khi Nhà nước lập bản đồ địa chính, căn cứ sổ mục kê thì thửa đất số 151, tờ bản đồ số 23, đo đạc năm 1998 được mang tên ông Vũ Văn M.

Theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2009: Thừa đất số 151 tờ bản đồ số 23 (đo đạc năm 1998) được xác lập lại đo thành 3 thửa đất:

Thửa đất số 121, tờ bản đồ số 35 đo đạc năm 2009 ghi tên ông Vũ Văn Đ.

Thửa đất số 156 và 157, tờ bản đồ số 35 đo đạc năm 2009 ghi tên ông Vũ Văn M.

UBND xã Đa Mai xác định đây là tranh chấp về thừa kế tài sản do bố mẹ để lại. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với diện tích đất tăng lên 57,8m² là do giữa đo đạc bằng máy thực tế hiện trạng so với diện tích được ghi trong bản đồ năm 1998 có sự khác nhau. Diện tích tăng thêm đó được xác định là diện tích của thửa số 151, tờ bản đồ số 23 (đo đạc năm 1998) vì các nhà xung quanh đã có ranh giới và tường bao rõ ràng.

Với nội dung nêu trên, bản án dân sự sơ thẩm số: 78/2019/DS-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn ông Vũ Duy T1, bà Vũ Thị B, bà Vũ Thị O, ông Vũ Văn M, bà Vũ Thị T về chia di sản thừa kế.
2. Chia di sản của cụ Vũ Văn T5 và Nguyễn Thị T6 để lại như sau:

Ông Vũ Duy T1, bà Vũ Thị O, ông Vũ Văn M, bà Vũ Thị T được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ phần di sản là phần đất có diện tích đất 419,2 m², trong đó đất ở 126,1m², đất vườn là 293m² (có ký hiệu là C-D-E-F theo sơ đồ đo vẽ số 01 kèm theo) thuộc thửa đất số 151, tờ bản đồ số 23 (Bản đồ địa chính đo đạc năm 1998) và toàn bộ tài sản trên đất thuộc địa chỉ Tổ dân phố Mai Sầu, phường Đa M, thành phố B. Nhưng có nghĩa vụ trích chia kỷ phần cho ông Đ là 7.121.733 đồng, cho bà Nh 7.121.733 đồng, cho bà B 6.833.733 đồng; trích chia cho ông Vũ Duy Mạnh số tiền 30.000.000 đồng tiền bảo quản, trùng tu, tôn tạo di sản.

Ông Vũ Văn T2 được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ phần di sản là phần đất có diện tích đất 451,6m², trong đó đất ở 135,9m², đất vườn là 315,6m² (có ký hiệu là A-B-C-G theo sơ đồ đo vẽ số 01 kèm theo) thuộc thửa đất số 151, tờ bản đồ số 23 (Bản đồ địa chính đo đạc năm 1998) và toàn bộ tài sản trên đất thuộc địa chỉ Tổ dân phố Mai Sầu, phường Đa M, thành phố B. Ông Vũ Văn T2 có nghĩa vụ trích chia kỷ phần cho bà Vũ Thị Nh là 88.938.000 đồng, cho ông Vũ Văn Đ là 88.938.000 đồng; trích chia kỷ phần cho bà Vũ Thị O, ông Vũ Duy T1, ông Vũ Văn M và bà Vũ Thị T mỗi người là 10.514.500 đồng;

Bà Vũ Thị B được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ phần di sản là phần đất có diện tích đất 124,8m², trong đó đất ở 37,6m², đất vườn là 87,2m² (có ký hiệu là H-I-K-L-M-N theo sơ đồ đo vẽ số 01 kèm theo) thuộc thửa đất số 151, tờ bản đồ số 23 (Bản đồ địa chính đo đạc năm 1998) và toàn bộ tài sản trên đất thuộc địa chỉ Tổ dân phố Mai Sầu, phường Đa M, thành phố B. Hoàn trả ông T2 số tiền 1.750.000đồng.

Buộc bị đơn ông Vũ Văn T2 phải tháo dỡ, di dời đối với 01 chiếc biển Vũ tộc từ đường (ký hiệu số 16 theo sơ đồ đo vẽ số 02 kèm theo), 02 bia đá (một bia dựng trong ngôi nhà gỗ 4 gian lợp ngói và một bia dựng ở hiên ngôi nhà gỗ 4 gian lợp ngói) và một đôi hoành phi câu đối dựng ở cột cái trong ngôi nhà gỗ 4 gian lợp ngói; tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản trên diện tích đất 23,7 m² (ký hiệu A-B-C-D-E-F-G-H-I theo sơ đồ đo vẽ số 02 kèm theo) gồm: 1 cổng sắt cao 2,3 m, rộng 1,2 m (ký hiệu số 22 theo sơ đồ đo vẽ số 02 kèm theo), 01 cổng sắt cao 2,3 m, rộng 1,2 m (ký hiệu số 17 theo sơ đồ đo vẽ số 02 kèm theo), một phần mái tôn rộng 1,2 m, dài 9,7 m; 01 bức tường rào dài 9,7 m, cao 0,5 m (ký hiệu số 11 theo sơ đồ đo vẽ số 02 kèm theo) một bức tường bao dài 1,2 m, cao 1,7 m (ký hiệu A-I theo sơ đồ đo vẽ số 02 kèm theo). (Có sơ đồ đo vẽ kèm theo)

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 07/12/2019, ông Vũ Văn T2 là bị đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố B. Không chia tài sản thừa kế theo pháp luật mà đây là thừa kế theo di chúc nên phải thực hiện theo di chúc.

Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện của các đồng nguyên đơn là ông Vũ Duy T1 không rút đơn khởi kiện, anh Vũ Ngọc Q là đại diện theo ủy quyền của bị đơn

ông Vũ Văn T2 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

* Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là anh Vũ Ngọc Q và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn thống nhất trình bày: Trước khi qua đời cụ T5 và cụ T6 đã để lại bản di chúc bằng văn bản. Hiện nay, bản di chúc gia đình ông vẫn còn lưu giữ được. Tòa án nhân dân thành phố B không xác minh đầy đủ đã nghe theo yêu cầu khởi kiện của ông T1 đem nhà thờ họ Vũ ra chia thừa kế là vi phạm pháp luật. Tòa án không đưa đầy đủ các thành viên trong dòng họ ra để lấy ý kiến là vi phạm tố tụng. Năm 1997, cụ T6, cụ T5 đã phân chia đất cho các con và thực tế các con đã sử dụng theo hiện trạng phân chia. Ngày 21/4/1997, các cụ đã lập văn bản phân chia tài sản cho các con là ông Đ và ông M. Diện tích đất phân chia cho ông Đ có tứ cận rõ ràng. Sau đó, ông Đ bán phần đất này cho anh Q và vợ là chị H2, anh Q nhờ bố để là ông T2 trông coi hộ chứ không phải là đất của ông T2 như Tòa cấp sơ thẩm nhận định. Do vậy, phần đất này là của anh Q, chị H2 không còn là di sản thừa kế. Việc cụ T5 và cụ T6 tặng cho dòng họ đã được Ủy ban nhân dân xã đóng dấu xác nhận và có cả dòng họ, các con cùng ký vào. Thực tế, dòng họ đã tiếp quản làm nhà thờ họ và đầu tư xây dựng, tôn tạo vào nhà thờ, nên phần đất này cũng không phải là di sản thừa kế. Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết thiếu các mối quan hệ pháp luật, đưa thiếu người tham gia tố tụng trong vụ án là vợ chồng anh Q. Anh Q được mời tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là người của dòng họ Vũ, chứ không được tham gia tố tụng với tư cách là người đã mua đất của ông Đ. Tòa sơ thẩm xác định sai tư cách tố tụng của ông T2, vợ chồng anh Q cùng dòng họ Vũ. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

* Đại diện theo ủy quyền của các đồng nguyên đơn ông Vũ Duy T1 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T1 thống nhất trình bày: Các đồng nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Khi bố mẹ các ông, bà chết không để lại di chúc và có để lại khối tài sản là quyền sử dụng diện tích 1000,6m² (đo đạc thực tế là 1064,4m²) thuộc thửa đất số 51, tờ bản đồ số 2, địa chỉ tổ dân phố Mai Sầu, phường Đa M, thành phố B cùng toàn bộ tài sản trên đất. Từ khi cụ T5 cụ T6 chết, ông M đã có phần công sức quản lý di sản và tu bổ di sản hết 130.000.000đồng. Kháng cáo của ông T2 là không có căn cứ vì nguồn gốc thửa đất tranh chấp là thuộc quyền quản lý, sở hữu hợp pháp của cụ T5, cụ T6 và là di sản thừa kế. Giấy chuyển quyền quản lý sử dụng đất ở không phải là văn bản chia thừa kế nên không có giá trị pháp lý. Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông Đ và vợ chồng anh chị Q, H là trái với quy định của pháp luật và không hợp pháp vì chuyển nhượng ngày 08/9/2010 là chuyển nhượng đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tòa án xác định ông Vũ Văn T2 là bị đơn là hoàn toàn đúng. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị H (đại diện theo ủy quyền của anh T3 và chị Ng) trình bày: Bà không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông T2.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị Nh trình bày: Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn. Phần đất của nhà thờ họ đã được bố mẹ bà để lại cho dòng họ Vũ không thể lấy ra chia thừa kế.

* Đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Văn T4 là ông Vũ Văn H1 trình bày: Khi còn sống cụ T6, cụ T5 đã hiến tặng tài sản của mình là ngôi nhà gỗ lim 4 gian cho dòng họ Vũ để làm nơi thờ cúng tổ tiên, Giấy chuyển quyền quản lý, sử dụng đất mà cụ T5 của Tân đã ký là hoàn toàn hợp pháp. Ông không đồng ý chia thừa kế vì phần đất này là của dòng họ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự xử: Chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Văn T2, hủy bản án sơ thẩm, giao cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại. Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được giải quyết khi xét xử, giải quyết lại vụ án. Án phí dân sự phúc thẩm các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh luận tại phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đoàn Thị Q1, ông Vũ Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Ủy ban nhân dân phường Đa M có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Q1, ông Đ và Ủy ban nhân dân phường Đa Mai theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Quan hệ pháp luật tranh chấp: Các đồng nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ T5 và cụ T6 để lại. Tuy nhiên, một số người trong dòng họ Vũ cho rằng phần đất có nhà thờ bằng gỗ lim là tài sản của dòng họ trên cơ sở Hợp đồng tặng cho nhà đất có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Đa Mai; Quá trình giải quyết vụ án ông Đ và anh Q trình bày đã làm thủ tục chuyển nhượng, có hợp đồng chuyển nhượng đối với một phần đất mà các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế. Do vậy, đây là vụ án “Tranh chấp quyền sử dụng đất, tranh chấp chia thừa kế và tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” theo quy định tại khoản 3,

khoản 5, khoản 9 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp chia di sản thừa kế” là xác định thiếu quan hệ tranh chấp trong vụ án.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ T5, cụ T6 chết năm 1999. Ngày 08/02/2017, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu chia di sản của cụ T5, cụ T6 để lại, nên thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế vẫn còn theo quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Vũ Văn T2 về việc không đồng ý phân chia di sản thừa kế theo pháp luật mà việc bố mẹ ông đã để lại di chúc nên phải thực hiện theo di chúc và đề nghị hủy bản án sơ thẩm vì vi phạm tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về hàng thừa kế: Nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất hàng thừa kế của cụ T5, cụ T6 gồm có 08 người con và đều thống nhất về di sản cụ T5, cụ T6 để lại là phần đất có diện tích 1006,6m² đất thuộc thửa đất số 151, tờ bản đồ số 23 thuộc địa chỉ: Tổ dân phố Mai Sầu, phường Đa M, thành phố B nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ. Tài sản trên đất cụ T5, cụ T6 để lại bao gồm: Ngôi nhà gỗ 4 gian lợp ngói cấp 4 xây dựng năm 1958, cải tạo năm 1995 diện tích 65,5m²; 3 gian nhà ngang, nhà cấp 4 xây dựng năm 1980, ông M tu bổ năm 2009, diện tích 47,9 m²; 2 gian nhà bếp, nhà cấp 4 xây dựng năm 1980, diện tích 16,3m²; Bán mái ngói xà gồ gỗ, xây năm 1980, diện tích 16,7 m². Sân lát gạch lá nem, xây năm 1995, ông M tu bổ lát gạch lá nem năm 2002, diện tích 130,6m². Sau khi cụ T5, cụ T6 chết đi thì có vợ chồng con cái ông M ở tại nhà đất này đến nay.

[2.2]. Đồng nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật với lý do: Khi cụ T5, cụ T6 chết đi có để lại di sản thừa kế là nhà, đất nhưng không để lại di chúc. Đề nghị Tòa án chia thừa kế theo pháp luật di sản thừa kế của cụ T5, cụ T6 để lại cho hàng thừa kế thứ nhất gồm 8 anh em ruột.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nh, ông T2, ông Đ không đồng ý chia di sản thừa kế với lý do:

Tài sản là ngôi nhà gỗ 4 gian lợp ngói cấp 4, phía trước có sân, diện tích đo đạc thực tế là 187,5 m² được cụ T5 và cụ T6 để lại cho dòng họ Vũ để làm nhà thờ họ, được định đoạt bằng Giấy chuyển quyền quản lý và sử dụng nhà đất ngày 01/10/1997. Mặt khác, diện tích đất cụ T5, cụ T6 quản lý sử dụng là diện tích đất của ông cha để lại, nếu chia thừa kế thì phải chia cho cụ T5 và các anh em ruột của cụ T5 gồm 8 người.

Đối với phần đất ông T2 đang ở có diện tích 386,3m² tại thửa số 121 tờ bản đồ số 35 có nguồn gốc của cụ T5, cụ T6 để lại nhưng đã được 8 anh chị em và cụ T5 định đoạt bằng bản Di chúc thừa kế ngày 21/4/1994 cho ông Đ sử dụng. Đến năm 2012 ông Đ (là em trai ông T2) lại chuyển nhượng cho anh Q (con trai ông T2) và sau đó 2012 anh Q cho ông T2 xây dựng nên ngôi nhà cấp 4 cùng các công trình phụ mà ông T2 ở từ đó đến nay nên đồng nguyên đơn không có quyền khởi kiện chia thừa kế.

Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã có những vi phạm thiếu sót trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

- Về xác định thiếu quan hệ tranh chấp: Các đồng nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ T5 và cụ T6 để lại. Tuy nhiên, một số người trong dòng họ Vũ cho rằng phần đất có ngôi nhà gỗ là tài sản của dòng họ trên cơ sở Hợp đồng tặng cho nhà đất ngày 01/10/1997 có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Đa Mai; Các đương sự xuất trình văn bản đề nghị ngày 21/4/1994 ghi: Di chúc thừa kế do cụ T5 viết tay. Nội dung thể hiện các cụ phân chia đất cho các con. Quá trình giải quyết vụ án ông Đ và anh Q trình bày đã làm thủ tục chuyển nhượng, có hợp đồng chuyển nhượng đối với một phần đất mà các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp chia di sản thừa kế” là thiếu quan hệ tranh chấp, nên không tiến hành cho đối chất, hòa giải và thu thập chứng cứ đối với các quan hệ tranh chấp khác, dẫn đến giải quyết vụ án chưa đầy đủ và triệt để.

- Về đưa thiếu người tham gia tố tụng: Anh Vũ Ngọc Q và vợ là chị Nguyễn Thị H2 là người nhận chuyển nhượng thửa đất từ ông Đ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa chị H2 vào tham gia tố tụng là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị H2. Tòa án cấp sơ thẩm có đưa anh Q vào tham gia tố tụng, nhưng chỉ tham gia với tư cách người liên quan của dòng họ Vũ chứ không đưa anh Q và tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong việc nhận chuyển nhượng một phần thửa đất tranh chấp và đã xây dựng tài sản trên đất.

Khi các đương sự trình bày và xuất trình các tài liệu liên quan đến thửa đất đang có tranh chấp thì Tòa án cấp sơ thẩm phải hướng dẫn và yêu cầu họ trình bày rõ các yêu cầu để giải quyết vụ án một cách triệt để. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết các yêu cầu của những người thuộc dòng họ Vũ và anh Q, không ban hành các thông báo tố tụng và yêu cầu các bên đương sự nộp tài liệu, chứng cứ liên quan đến các yêu cầu này dẫn đến giải quyết không hết các yêu cầu của đương sự.

- Khi ông Đ trình bày ông đã chuyển nhượng phần đất được thừa kế (hiện nay đang tranh chấp) cho vợ chồng anh Q, chị H2 và anh Q đã giao cho ông Đ số tiền 110.000.000đồng, nhưng Tòa án không xem xét tính hợp pháp của hợp đồng và chưa tuyên hợp đồng chuyển nhượng giữa ông Đ và vợ chồng chị H2 vô hiệu hay không mà nhận định tách ra giải quyết bằng vụ án khác và xác định luôn phần đất ông Đ bán cho vợ chồng anh Q là di sản thừa kế là giải quyết chưa hết các vấn đề của vụ án. Phần tài sản đã được đưa ra chia thừa kế thì không thể để giải quyết bằng vụ án khác được. Tòa án cần phải giải quyết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Đ và vợ chồng chị H2 anh Q thì mới giải quyết được vụ án chia thừa kế. Nếu hợp đồng chuyển nhượng vô hiệu thì cần buộc anh Q, chị H2 phải trả lại tài sản sau đó mới phân chia thừa kế. Anh Q đề nghị công nhận nhà đất đã mua của ông Đ là của vợ chồng anh, nhưng tòa án cấp sơ thẩm không hướng dẫn anh Q làm đơn yêu cầu độc lập, nộp tạm ứng án phí và thụ lý thu thập chứng cứ đối với yêu cầu và quan hệ tranh chấp này. Tòa án sơ thẩm đã giao cho ông T2

được sử dụng toàn bộ tài sản trên phần đất mà không xem xét đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Đ và vợ chồng anh Q là vi phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh Q, chị H2 .

- Các đương sự đều trình bày ông M ở cùng bố mẹ là cụ T5, cụ T6 tại thửa đất trên từ khi sinh ra đến khi các cụ chết, ông M có tên trong sổ hộ khẩu từ trước cho đến nay, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh thu thập chứng cứ về tài sản tranh chấp là của hộ gia đình trong đó có ông M hay toàn bộ phần tài sản này là di sản thừa kế của cụ T5, cụ T6 mà xác định toàn bộ khối tài sản này là di sản thừa kế của cụ T5, cụ T6 và đưa ra chia là chưa chính xác, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông M.

- Đối với những người có đơn yêu cầu trong dòng họ Vũ về việc đề nghị xác định phần đất có ngôi nhà gỗ lim là thuộc quyền quản lý, sử dụng của dòng họ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cũng không yêu cầu họ nộp tạm ứng án phí và xem xét đối với yêu cầu này là thiếu sót.

Quá trình giải quyết vụ án, các thành viên dòng họ Vũ có trình bày tài sản trên nhà thờ họ là do các thành viên dòng họ Vũ đóng góp xây dựng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đến các nội dung này mà tuyên ông T2 tự tháo dỡ là chưa phù hợp vì ông T2 không phải là người xây dựng các tài sản này.

- Ngày 12/2/2018, Tòa án sơ thẩm có thông báo về việc thụ lý vụ án số 20/2018/TBTL, theo đó đã đưa tất cả những người liên quan thuộc dòng họ Vũ tham gia với tư cách là đồng bị đơn. Ngày 02/3/2018 ông Vũ Văn H1 thay mặt Ban tổ chức của dòng họ Vũ gửi văn bản đến Tòa án trình bày nội dung và xác định đất là của dòng họ, không đồng ý chia thừa kế. Tuy nhiên, tại phiên tòa Tòa án cấp sơ thẩm lại xác định ông Vũ Văn T4 là người cao tuổi đại diện cho dòng họ Vũ mà chưa xác minh làm rõ, những ai trong dòng họ có ý kiến và có yêu cầu liên quan đến thửa đất tranh chấp là chưa đúng và đầy đủ.

- Quá trình giải quyết vụ án ông Đ, bà Nh và ông T2 đều có yêu cầu chia di sản khối tài sản 600m² đất ở tại số nhà 236, đường Hoàng Hoa Thám, tổ dân phố Tân Mai, phường Đa M, thành phố B và một số di sản khác nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không thông báo thụ lý vụ án, không yêu cầu nộp tạm ứng án phí, không tiến hành các thủ tục tố tụng lấy lời khai, hòa giải đối chất định giá, không đưa người đang quản lý khối di sản này vào tham gia tố tụng. Tại phiên tòa ông Đ đã rút yêu cầu này nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không hỏi ý kiến của ông T2, bà Nh mà đã nhận định không xem xét giải quyết là không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2009 thể hiện mảnh đất được chia thành 03 thửa trong đó có thửa đất mang tên ông Đ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ và xác định đất có 01 thửa là chưa xem xét hết các diễn biến, hiện trạng sử dụng thửa đất.

- Tòa án cấp sơ thẩm đã phân chia và xác định diện tích đất ở và diện tích đất vườn trong tổng diện tích đất tranh chấp, là chưa chính xác vì thẩm quyền xác định loại đất là của Ủy ban nhân dân. Nếu Ủy ban nhân dân thành phố B không xác

định được diện tích đất ở trên tổng diện tích đất tranh chấp thì Tòa án cấp sơ thẩm cần thu thập văn bản quy định hạn mức tối đa diện tích đất ở thành phố là bao nhiêu? Để có căn cứ xác định chia cho các đồng thừa kế.

Từ những sai sót về tố tụng và thiếu sót trong việc thu thập, tài liệu chứng cứ nêu trên. Để đảm bảo hai cấp xét xử, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục và thực hiện bổ sung được nên cần hủy án sơ thẩm giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết lại.

[3]. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Văn T2, hủy bản án sơ thẩm đã xử, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

[4]. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Do hủy án nên án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng được xác định lại khi Tòa sơ thẩm thụ lý giải quyết lại vụ án.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự; Chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Văn T2, xử:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 78/2019/DSST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B xét xử về “Tranh chấp chia thừa kế” giữa bà Vũ Thị B, bà Vũ Thị O, Vũ Văn M, bà Vũ Thị T, ông Vũ Duy T1. Đại diện theo ủy quyền của bà B, bà O, bà T, ông M là Vũ Duy T1 và ông Vũ Văn T2.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự chưa phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng, nghĩa vụ chịu án phí và chi phí tố tụng được xác định khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố B;
- VKSND tỉnh B;
- Chi cục THADS TP. Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Công tt điện tử của TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Quyết Phạm Thị Minh Hiền

Trần Thị Hà

Nơi nhận:

- TAND thành phố B;
 - VKSND tỉnh B;
 - Chi cục THADS TP. Bắc Giang;
 - Các đương sự;
 - Cổng tt điện tử của TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà

